

Bản án số: 42/2022/DS-PT

Ngày: 03/3/2022

V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng
đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy;

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24 tháng 02 và ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 250/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K – sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn:*

1/ Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1963.

2/ Anh Nguyễn Bá C – sinh năm 1986.

3/ Anh Nguyễn Minh H – sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4/ Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Trụ sở: Khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh Bh – Chức vụ: Chủ tịch.

Người kháng cáo: nguyên đơn Nguyễn Văn P.

Đương sự Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị L có mặt; Nguyễn Bá C, Nguyễn Minh H, đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Theo sổ mục kê ruộng đất năm 1983 thì ông được quyền sử dụng thửa 1740, diện tích 2.800m², loại đất lúa, đất tại Ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc phần đất này là của mẹ ông cho ông canh tác, nhưng ông là người đóng tô thuế cho điền chủ, ông đã canh tác diện tích đất nêu trên từ năm 1971, đến năm 1975 khi giải phóng thì ông là người đã đưa đất vào hợp tác xã.

Bà Nguyễn Thị L là em ruột của ông, còn ông K là chồng của bà L. Khoảng năm 1986 do gia đình bà L không có đất ở nên ông đã cho bà L ở tạm trên 01 phần của thửa đất 1740, ông chỉ cho ở tạm chứ hoàn toàn không cho để đứng tên quyền sử dụng đất, việc cho ở tạm không làm giấy tờ.

Đến năm 1989, sau khi giải thể Hợp tác xã thì Hợp tác xã giao lại cho ông tổng diện tích 6.226m² đất trong đó ông được giao lại thửa đất số 2057, diện tích 1.769m² (theo sổ mục kê năm 1983 là thửa 1740, diện tích 2.800m²).

Vào năm 1999, ông K tự ý kê khai đứng tên 01 phần của thửa 1740 với nội dung đất gốc và được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 894/QSDĐ ngày 15/9/2000 với diện tích 840m², thuộc thửa 2790, việc ông K được đứng tên quyền sử dụng đất gia đình ông không hay biết.

Quá trình sử dụng đất thì gia đình bà L đã cất nhà ở, do ông thấy hoàn cảnh bà L khó khăn nên ông không yêu cầu di dời nhà, đồng thời ông vẫn đặt đường ống dẫn nước cũng như sử dụng bình thường phần diện tích đất còn lại mà bà L không cất nhà.

Đến năm 2015, ông thấy bà L lấp đường mương dẫn nước và trồng cây môn, sâm đất lên đường thoát nước của ông thì ông có chặt bỏ và hai bên tranh chấp, khi đó ông mới biết ông K đã đứng tên diện tích 840m² thuộc 01 phần thửa đất cũ 1740, diện tích 2.800m² mà ông đứng tên sổ mục kê năm 1983.

Nay ông P khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện G đã cấp cho ông K đối với thửa đất 2790, diện tích 840m²; yêu cầu công nhận diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp

của ông và yêu cầu ông K, bà L di dời nhà cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất để trả lại cho ông diện tích đất nêu trên.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Vào ngày 15/9/2000, Ủy ban nhân dân huyện G đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 2790, tờ bản đồ số 3, diện tích là 840m², đất tại Ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang cho ông K là đúng quy định. Nguồn gốc phần đất này là của cha mẹ của bà L và ông P tặng cho. Nay ông K, bà L không đồng ý với tất cả yêu cầu khởi kiện của ông P.

** Theo Công văn số 1859/UBND-TNMT ngày 02/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện G trình bày:*

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 894/QSDĐ cấp ngày 15/9/2000 cho ông Nguyễn Văn K ngụ Ấp B, xã N, huyện G thì Ủy ban nhân dân huyện G không có ý kiến, việc giải quyết do Tòa án quyết định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 250/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 2, Điều 33, Điều 36 Luật đất đai năm 1993.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P yêu cầu ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị L trả lại phần đất diện tích 840m², thửa 2790, đất tại Ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang và di dời nhà cùng tài sản trên đất để trả lại cho ông; không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng 894/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn K ngày 15/9/2000 đối với diện tích đất nêu trên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo ghi ngày 12/10/2020 yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Ông Nguyễn Văn P nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung kháng cáo:

Thửa đất các bên tranh chấp có diện tích 840m² thuộc thửa số 2790, tờ bản đồ số 3 tại Ấp B, xã N, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn K tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 894/QSĐĐ ngày 15/9/2000 (gọi là thửa đất số 2790).

Theo văn bản số 4486/TL-VPĐK ngày 13/7/2018 của Văn phòng đất ký đất đai tỉnh Tiền Giang xác định, theo sổ mục kê ruộng đất được Ủy ban nhân dân ký ngày 21/3/1983 (bộ sổ ruộng đất), ông Nguyễn Văn P đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 1470, diện tích 2.800m² tại ấp Bình Nhì, xã N, huyện G.

Theo văn bản số 248/VPĐK-TTLT ngày 05/02/2020 của Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang xác định: căn cứ tờ bản đồ số 3 và sơ đồ dãy thửa đất ruộng – tờ bản đồ số 3 thì thửa đất số 2790, 2896 thuộc thửa đất số 1470.

Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn P cho rằng thửa đất số 2790 có nguồn gốc của cha mẹ ông đã cho ông canh tác từ năm 1971, ông đã kê khai quyền sử dụng đất và được đứng tên trong sổ mục kê ruộng đất năm 1983 với số thửa 1470, diện tích 2.800m², loại đất lúa. Khoảng năm 1979, ông đưa thửa đất số 1470 vào Hợp tác xã N để sản xuất chung. Năm 1986, Hợp tác xã giao cho bà Nguyễn Thị L một phần thửa đất số 1470 để canh tác và cất nhà ở (hiện nay là thửa đất số 2790). Năm 1989, Hợp tác xã giải thể, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn K vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất đến nay. Xét thấy, ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L đã được Hợp tác xã N giao quyền sử dụng một phần thửa đất số 1470 (nay là thửa đất số 2790) từ năm 1986 là phù hợp quy định của Nhà nước về thực hiện chính sách đất đai vào thời điểm đó, do vậy việc ông Nguyễn Văn P kiện đòi lại quyền sử dụng là không đúng quy định của Luật Đất đai. Tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho*

người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Mặt khác, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G cung cấp cho Tòa án thì đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi ngày 23/9/1999 ông Nguyễn Văn P đăng ký 03 thửa đất gồm: thửa đất số 2895, diện tích 2.270m²; thửa đất số 2896, diện tích 1740m²; thửa đất số 2789 với diện tích 300m². Và đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi ngày 23/9/1999 ông Nguyễn Văn K đăng ký thửa đất số 2790, diện tích 840m². Như vậy, thời điểm năm 1999 ông Nguyễn Văn P đã thừa nhận đất thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn K nên ông không kê khai đăng ký thửa đất số 2790 và cũng không phản đối việc ông Nguyễn Văn K kê khai đăng ký quyền sử dụng thửa đất số 2790.

Ngài ra, tại bản án số 397/2018/DS-PT ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử tranh chấp mở lối đi qua bất động sản liền kề giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P thì ông Nguyễn Văn P yêu cầu bà Nguyễn Thị L tháo dỡ đường đan đi qua thửa đất của ông để ông rào lại đất, không chấp nhận yêu cầu mở lối đi qua của bà Nguyễn Thị L vì bà có lối đi ổn định khác. Điều này cho thấy ông Nguyễn Văn P cũng thừa nhận quyền sử dụng thửa đất số 2790 thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn K.

Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L được Hợp tác xã N giao quyền sử dụng đất từ năm 1986, đến năm 1999 ông Nguyễn Văn K kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 894/QSĐĐ ngày 15/9/2000. Việc Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn K là đúng quy định của Luật Đất đai.

Từ những căn cứ trên cho thấy, ông Nguyễn Văn P đòi quyền sử dụng thửa đất số 2790, tờ bản đồ số 3, diện tích 840m² tại Ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 894/QSĐĐ ngày 15/9/2000 do Ủy Ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn K là không có căn cứ pháp luật. Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn P là đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Nguyễn Văn P cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh phản bác nội dung bản án sơ thẩm. Do vậy yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn P là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

tòa án và Danh mục về án phí, lệ phí tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016), ông Nguyễn Văn P thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[5]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn P.
2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 250/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P yêu cầu ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị L trả lại phần đất diện tích 840m², thuộc thửa 2790, tờ bản đồ số 3 tại Ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang; không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng 894/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn K ngày 15/9/2000.

3. Án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với ông Nguyễn Văn P.
4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy